

Số: 82 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Công nghệ thông tin điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Quyết định số 181/QĐ-TTr ngày 31/3/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 18/4/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Công nghệ thông tin điện lực Thành phố Hồ Chí Minh; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/5/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Công nghệ thông tin điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là chi nhánh).

- Loại hình doanh nghiệp: Chi nhánh của công ty TNHH một thành viên.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300951119-023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 9 năm 2020.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: quản lý vận hành hệ thống mạng viễn thông và công nghệ thông tin.

- Điện thoại giao dịch: 028. 22 110 285 Fax: 028.38 440 086.

- Trụ sở chính của chi nhánh: số 114A Hồng Hà, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài khoản giao dịch số 060269796688 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Nhuận.

- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 10 phòng, đội.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại chi nhánh: 127 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh:

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2021		Năm 2022	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	78.112	78.040	94.579	94.579
2	Tổng chi phí (chưa gồm lương)	Triệu đồng	19.527	19.056	24.091	22.386
3	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	(Tổng công ty thực hiện)			
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.658	12.241	28.583	29.592
5	Lợi nhuận (sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn)	Triệu đồng	Tính tại Tổng công ty			
6	Hệ số bảo toàn phát triển vốn	Lần				

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Báo cáo chưa đúng theo mẫu số 01 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP (chi nhánh sử dụng mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH đã hết hiệu lực thi hành).

- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, chi nhánh chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Hình thức và phương thức tuyển dụng lao động: trên cơ sở nhu cầu lao động hằng năm, chi nhánh xây dựng kế hoạch lao động. Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Tổng công ty) xét duyệt, tổ chức tuyển dụng, phân bổ lao động giao chi nhánh tiếp nhận thủ việc, ký hợp đồng lao động với người lao động.

+ Năm 2021: chi nhánh không tiếp nhận lao động tuyển dụng mới.

+ Năm 2022: chi nhánh tiếp nhận 08 lao động tuyển dụng mới.

- Chi nhánh đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm trình Tổng Công ty phê duyệt, thực hiện đào tạo năm 2021 cho 375 lượt lao động, năm 2022 cho 280 lượt lao động.

- Các quy định (hoặc phân cấp) về ký kết hợp đồng lao động: Tổng Giám đốc Tổng công ty ủy quyền Giám đốc chi nhánh ký hợp đồng lao động với người lao động làm việc tại chi nhánh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 127 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 127 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 119 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 08 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra các hợp đồng lao động (Luân Quốc Tùng, Ngô Xuân Kiên, Nguyễn Thị Mai Trâm, Hà Thanh Tuyền) nội dung của hợp đồng ghi chưa cụ thể: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực TP. HCM”, mục công việc phải làm ghi “theo bản mô tả vị trí chức danh công việc trong Công nghệ Thông tin Điện lực TP. HCM” nhưng không đính kèm bản mô tả vị trí công việc.

- Số lao động bị mất việc làm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra: 03 người, trong đó có 02 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc; chi nhánh đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho 02 người lao động với tổng số tiền là 150.559.751 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/năm.

- Việc thương lượng, ký kết TULĐTT: không phát sinh.

- Đã thực hiện theo đúng các nội dung của TULĐTT của Tổng công ty.

- Việc gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương: Tổng công ty đã thực hiện.

- Chi nhánh thực hiện quy chế dân chủ do Tổng công ty ban hành.

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Chi nhánh thực hiện theo hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của Tổng công ty.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý	23	4,474	22	4,641
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	15	3,581	14	3,638
Công nhân trực tiếp SXKD	80	3,362	86	3,436
Nhân viên thừa hành, phục vụ	6	3,535	6	3,623
Tổng số	124	3,738	128	3,834

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ)

Các loại phụ cấp	Năm 2021		Năm 2022	
	Số người	HSPCBQ	Số người	HSPCBQ
Chức vụ	20	0,349	18	0,344
Trách nhiệm	1	0,1	1	0,083
Chuyên gia, công nhân lành nghề	17	0,445	17	0,445
Bình quân chung	38	0,894	36	0,872

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty nên không phải xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Quỹ tiền lương của người lao động Chi nhánh thuộc quỹ tiền lương của Tổng công ty, việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hằng năm do Tổng công ty quyết định.

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 là 46.742 triệu đồng (theo Quyết định số 24/QĐ-HĐTV ngày 29/3/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty), quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 là 42.600 triệu đồng (theo Quyết định số 29/QĐ-HĐTV ngày 23/3/2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty).

- Việc xây dựng quy chế trả lương và quy chế thưởng: Chi nhánh sử dụng các quy chế do Tổng công ty xây dựng và ban hành, cụ thể:

+ Quy định quản lý và phân phối tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 02/3/2022 Hội đồng thành viên Tổng công ty.

+ Quy định quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2022 Hội đồng thành viên Tổng công ty.

5.1.3. Việc thực hiện trả lương cho người lao động

- Chi nhánh trả lương cho người lao động theo thời gian (theo tháng).

- Hằng năm, sau khi được Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt, Tổng công ty đã phê duyệt quỹ tiền lương của chi nhánh để trả lương cho người lao động theo quy chế quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ tại Quyết định số 90/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

- Đã trả lương làm thêm giờ, làm vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm, làm vào ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc, mất việc làm: không phát sinh do người lao động thôi việc đã nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

5.1.4. Các khoản thu nhập

- Tiền ăn ca: Chi nhánh chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

- Khen thưởng, phúc lợi: hằng năm, chi nhánh được Tổng công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động theo quy định.

5.1.5. Tiền lương và thu nhập bình quân chung tại chi nhánh

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	51,123	28,614	17,531	48,650	25,452	17,917
2	Phụ cấp	3,975	0,938	0	3,588	0,796	0
3	Tiền thưởng	2,750	2,749	1,000	1,167	1,146	0,167
4	Tổng thu nhập	57,848	32,466	18,531	53,405	27,394	18,084

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý: Tổng công ty thực hiện, chi nhánh không có người quản lý.

5.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu: không phát sinh.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: không quá 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Thời giờ nghỉ ngơi: nghỉ giữa giờ làm việc đối với người làm việc theo ca ban ngày nghỉ 30 phút/ca, ca ban đêm nghỉ 45 phút/ca, nghỉ chuyển ca ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác; nghỉ hằng tuần đảm bảo ít nhất 04 ngày/tháng, ngày nghỉ hằng tuần của người lao động làm việc theo giờ hành

chính là ngày chủ nhật, trường hợp người lao động hoàn thành khối lượng công việc được giao của 01 tuần trong 05 ngày thì được nghỉ ngày thứ bảy.

- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, không quá 40 giờ trong 01 tháng và không quá 200 giờ trong 01 năm.

- Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ, tết, ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của pháp luật; được nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định, ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết nếu có lý do chính đáng thì người lao động được giải quyết nghỉ không hưởng lương tối đa 30 ngày làm việc cộng dồn trong năm, trường hợp nghỉ ốm đau trong thời gian điều trị bệnh thì được giải quyết nghỉ tối đa 60 ngày làm việc cộng dồn trong năm (trừ trường hợp điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành).

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm, lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Tổng Giám đốc Tổng công ty giao quyền cho Giám đốc chi nhánh xử lý kỷ luật đối với người lao động tại chi nhánh với tất cả hình thức xử lý kỷ luật lao động theo khoản 4, Điều 16 Nội quy lao động của Tổng công ty.

- Chi nhánh áp dụng nội quy lao động của Tổng công ty ban hành, đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Trong thời kỳ thanh tra, chi nhánh không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 35 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày, không quá 03 ngày;

+ Trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc đang mang thai từ tháng thứ 7 trở đi được nghỉ mỗi ngày 120 phút trong thời gian làm việc; trường hợp lao động nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi sinh đôi trở lên thì mỗi ngày được nghỉ 150 phút trong thời gian làm việc.

+ Được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con 06 tháng, thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng; trường hợp sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con lao động nữ được nghỉ thêm 01 tháng.

+ Lao động nữ nghỉ thai sản theo chế độ thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xét các danh hiệu thi đua khác nếu có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định.

+ Đã bố trí buồng tắm và buồng vệ sinh tại nơi làm việc.

+ Được hỗ trợ chi phí gửi trẻ, mẫu giáo với định mức 200.000 đồng/tháng/cháu từ 06 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Chi nhánh không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Chi nhánh không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Chi nhánh không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, tại chi nhánh không có tranh chấp cá nhân và tập thể, không xảy ra đình công.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại chi nhánh không có khiếu nại về lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 15 người; số lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 0 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Đã thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động theo Quyết định số 681/QĐ-EVNHCMCIT ngày 11/11/2022 của Giám đốc chi nhánh.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 174/QĐ- EVNHCMCIT ngày 11/4/2023, đã ban hành quy chế hoạt động và chế độ phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên (bằng 0,1 mức lương cơ sở).

- Đã cử 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách.

- Số người làm công tác y tế: 01 người có trình độ trung cấp.

- Chi nhánh đang sử dụng 03 thang máy là thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và còn thời hạn kiểm định.

- Đã xây dựng các hướng dẫn về công tác an toàn lao động và áp dụng các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động do Tổng công ty ban hành.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động tại chi nhánh. Người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện (09 người).

Hồ sơ huấn luyện tại chi nhánh chưa lưu chương trình huấn luyện chi tiết.

Giấy chứng nhận huấn luyện nhóm 6 không có ảnh của người được huấn luyện.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định. Sổ theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân có đầy đủ chữ ký xác nhận của người lao động.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh do kết quả quan trắc môi trường lao động không có yếu tố vượt tiêu chuẩn cho phép.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm, tổng số mẫu đã đo là 335 mẫu, tổng số mẫu đạt tiêu chuẩn là 335 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn bộ người lao động; khám sức chuyên khoa cho lao động nữ; khám sức khỏe định kỳ ít nhất 06 tháng/lần đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động hằng năm, đến thời điểm hiện tại chưa có lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp.

- Đã lập hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN)

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 127 người.

- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 127 người.

- Số người chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trả hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật BHXH.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/3/2023 là 10.270.300.076 đồng, bình quân tháng là 380.381.484 đồng/tháng; đã đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 3/2023.

III. Kết luận

1. Những quy định của pháp luật đã được chi nhánh thực hiện

1.1. Đã báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và hằng năm về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã tiếp nhận người lao động do Tổng công ty tuyển dụng theo quy chế.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động và thực hiện đào tạo theo kế hoạch.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả đủ trợ cấp thôi việc cho 02 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 150.559.751 đồng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc 01 lần/năm.

1.7. Đã áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động của Tổng công ty; áp dụng quy định quản lý và phân phối tiền lương do Tổng công ty ban hành và thực hiện phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế.

1.8. Đã trả lương làm thêm giờ, làm vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm, làm vào ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 730.000 đồng/người/tháng.

1.9. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ đảm bảo không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.10. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.11. Đã áp dụng nội quy lao động do Tổng công ty ban hành.

1.12. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh; đã giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

1.13. Đã thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; bố trí người làm công tác an

toàn lao động, công tác y tế; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.14. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể theo hợp đồng lao động; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 3/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được chi nhánh thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm chưa đúng theo mẫu số 01 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Luân Quốc Tùng, Ngô Xuân Kiên, Nguyễn Thị Mai Trâm, Hà Thanh Tuyền) có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực TP. HCM”, mục công việc phải làm ghi “theo bản mô tả vị trí chức danh công việc trong Công nghệ Thông tin Điện lực TP. HCM” nhưng không đính kèm bản mô tả vị trí công việc là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Hồ sơ huấn luyện tại chi nhánh không lưu chương trình huấn luyện chi tiết theo quy định tại Khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.5. Giấy chứng nhận huấn luyện nhóm 6 không có ảnh của người được huấn luyện theo mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu chi nhánh khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này như sau:

- Khắc phục vi phạm tại điểm 2.1 khi có phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh (đề t/h);
- Tổng công ty (đề chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

